TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2026/DS-ST
Ngày: 16/7/2026
V/v "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Công Tâm

- Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hương Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đăng H, sinh năm 1983. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: P K, Khu C, phường C, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: 136 P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố D, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Ông Trần Đăng H và bà Nguyễn Thị Hồng K có thoả thuận chung vốn để kinh doanh dịch vụ karaoke. Ngày 05/02/2024, ông H chuyển cho bà K số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 07/02/2024, ông H chuyển cho bà K số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó việc kinh doanh không thực hiện được. Các bên thoả thuận bà K sẽ trả lại cho ông H số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 19/02/2024, ông H chuyển cho bà K số tiền 40.000.000 đồng, mục đích để nhờ bà K đặt cọc mua 02 lô đất ở Quảng Nam. Tuy nhiên, việc mua đất không thực hiện được và bà K có cam kết trả lại cho ông H số tiền 40.000.000 đồng.

Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà K trả lại số tiền nêu trên, nhưng bà K không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 140.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng K đã được Toà án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà, nhưng vẫn vắng mặt. Bà K có đơn trình bày thừa nhận có nhận từ ông H số tiền 100.000.000 đồng góp vốn kinh doanh karaoke và 40.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất. Tuy nhiên, việc kinh doanh không thực hiện được. Bà K xác nhận có nghĩa vụ trả lại cho ông H 140.000.000 đồng. Tuy nhiên bà K trình bày đã chuyển trả cho ông H nhiều lần với tổng số tiền ước tính 40.000.000 đồng. Bà K sẽ cung cấp sao kê chuyển tiền cho Toà án. Đối với số tiền còn lại, bà K xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 140.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Trần Đăng H đã cung cấp cho Tòa án 03 sao kê tài khoản ngân hàng vào các ngày 05/02/2024, 07/02/2024 và ngày 19/3/2023. Cụ thể, ngày 05/02/2024 ông H đã chuyển số tiền 70.000.000 đồng, nội dung "Tran Dang Hai ck tien chung mo quan". Ngày 19/02/2024, ông H chuyển số tiền 40.000.000 đồng, nội dung "Tran Dang Hai ck coc 02 lo dien hong dien ban quang nam". Ngày 07/02/2024, ông H chuyển số tiền 30.000.000 đồng, nội dung "Tran Dang Hai ck them tien chung mo

quan". Theo nội dung các sao kê nêu trên và trình bày của nguyên đơn và bị đơn, ông Trần Đăng H đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Hồng K tổng số tiền 140.000.000 đồng. Trong đó, 100.000.000 đồng chung kinh doanh mở quán karaoke nhưng không thực hiện được và 40.000.000 đồng nhờ đặt cọc mua đất nhưng không thực hiện được. Sau đó, ông H và bà K thoả thuận bà K có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, dù ông H đã nhiều lần yêu cầu bà K trả lại số tiền nêu trên, nhưng bà K vẫn không thực hiện. Bà K trình bày đã chuyển trả cho ông K nhiều lần với số tiền ước tính 40.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. HĐXX xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 140.000.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H đối với bà Nguyễn Thị Hồng K.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho ông Trần Đăng H số tiền 140.000.000 đồng. (Một trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Đăng H số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004261 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – ĐN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM-
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy